

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 5 - 2018

V/v: *Ly hôn*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Ký.

2. Ông Tống Văn Tuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 129/2017/TLST - HNGĐ ngày 16/11/2017 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 08/4/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1950

Địa chỉ: Số 280/6, tổ 13, ấp 3, xã TL, huyện PG, tỉnh Bình Dương.

Vắng mặt (ông H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn CC, xã HS, huyện HT, tỉnh Thanh Hoá.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/6/2017 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Đức H trình bày:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Đức H và bà Nguyễn Thị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HS, huyện HT, tỉnh Thanh Hoá vào ngày 15/8/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm tháng 12 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên thường bất đồng quan điểm, hay cãi nhau không hợp nhau, bản thân ông H cảm thấy bị áp lực nặng nề, tình cảm vợ chồng rạn nứt trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2014 cho đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông H đề nghị được ly hôn bà Nguyễn Thị C.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà C để làm bản tự khai nhưng bà C không có mặt, nên không có lời khai của bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị C đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hòa giải nhưng bà C không đến để tham gia phiên hòa giải, ông H đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đây là trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 điều 207 BLTTDS. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ bà C đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt tại phiên tòa, ông H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H và bà C.

[2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Đức H và bà Nguyễn Thị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hay cãi cọ xúc phạm nhau, vợ chồng đã ly thân thời gian dài. Mặc dù biết ông H có đơn xin ly hôn, bà C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, nhiều lần tổng đạt trực tiếp cho bà C nhưng bà C vắng mặt tại Tòa án và không có ý kiến gì, chứng tỏ bà C cũng không thiết tha, níu kéo, tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho ông H được ly hôn bà C là phù hợp.

[3] Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên miễn xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét. Trong vụ án này, HĐXX không biết được nội dung yêu cầu của bà C đối với phần tài sản, giữa bà C và ông H nếu có tài sản sẽ tự bàn bạc thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có đơn khởi kiện.

[5] Về án phí: Ông H phải chịu án phí DSST về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Điều 9; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Đức H và bà Nguyễn Thị C.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Đức H phải chịu 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số AA/2017/0000110 ngày 08/11/2017 tại C cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Ông H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Ông H, bà C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt

